

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16/12/2025

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thẩm Văn Minh

2. Ông Nguyễn Đức Thiệu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Thật - Kiểm sát viên.

Ngày 16/12/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 86/2025/TLST- HNGĐ ngày 01/10/2025 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 42/2025/QDST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Khu 5, xã Minh H, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu 10, xã L, tỉnh Phú Thọ.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Trần Minh T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu 5, xã Minh H, tỉnh Phú Thọ.

(Vắng mặt lần 2 không có L do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Minh T kết hôn ngày 06/4/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (Nay là UBND xã Minh H, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn vợ chồng có chung sống tại nhà chồng ở xã N, huyện Y (nay là xã Minh H, tỉnh Phú Thọ). Cuộc sống vợ chồng hòa thuận được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, anh T thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con, chị đã về nhà mẹ đẻ ở T, huyện L (Nay là xã L) sinh sống từ tháng 8/2022 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu **Trần Minh T, sinh ngày 10/02/2010 và cháu Trần Minh L, sinh ngày 08/06/2013**. Hiện nay cháu cả hai con chung đang học tập, sinh sống ổn định cùng chị bên L. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Trần Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc nên không có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Minh H và tiến hành lấy lời khai bà Trần Thị K (mẹ đẻ anh T) kết quả như sau: Chị Trần Thị L và anh Trần Minh T có đăng ký kết hôn 06/4/2009 tại UBND xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (Nay là UBND xã Minh H, tỉnh Phú Thọ). Anh T, chị L đều có hộ khẩu thường trú tại khu 5, xã Minh H, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T gia trưởng đánh chị L. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 8/2022, vợ chồng anh T, chị L sống ly thân từ đó đến nay. Anh T cũng biết việc chị L xin ly hôn anh. Hiện nay anh T đang làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên về nhà. Nay chị L xin ly hôn anh, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh T và chị L có 02 con chung là cháu **Trần Minh T, sinh ngày 10/02/2010 và cháu Trần Minh L, sinh ngày 08/06/2013**. Hiện nay cả hai con chung đang ở cùng chị L. Khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 31/10/2025 cháu Trần Minh T và cháu Trần Minh L (con chung của chị L và anh T) đều có nguyện vọng được ở với chị L vì hiện nay các cháu đang sinh sống và học tập ổn định cùng chị L ở L.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc T theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ L, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; đối với bị đơn đã vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Trần Minh T.
- Về con chung: Giao cả 02 (hai) con chung là cháu **Trần Minh T, sinh ngày 10/02/2010 và cháu Trần Minh L, sinh ngày 08/06/2013** cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Trần Minh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị Trần Thị L tự nguyện không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị Trần Thị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa chị Trần Thị L và anh Trần Minh T. Bị đơn là anh Trần Minh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu Khu 5, xã Minh H, tỉnh Phú Thọ. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự **vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Phú Thọ.**

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Minh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp pháp luật.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Trần Minh T có đăng ký kết hôn ngày 06/4/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (Nay là

UBND xã Minh H, tỉnh Phú Thọ), hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Đây là hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, phù hợp với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị L cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh T thường xuyên uống rượu và đánh đập vợ con. Chị đã về nhà mẹ đẻ ở L sinh sống từ tháng 8/2022 đến nay.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp thông tin, quá trình chị L và anh T chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có cãi vã, anh T có đánh chị. Chị L đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 8/2022, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, anh T biết việc chị L xin ly hôn anh nhưng không đến Tòa án làm việc, vợ chồng cũng không có biện pháp nào hàn gắn quan hệ vợ chồng. Từ đó có thể thấy, mâu thuẫn của chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chị L đề nghị xin được ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu **Trần Minh T, sinh ngày 10/02/2010 và cháu Trần Minh L, sinh ngày 08/06/2013**. Hiện nay cả hai con chung ở cùng chị L. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng xin trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cả hai con chung đang sinh sống, học tập ổn định cùng L tại L, chị L có công việc, thu nhập ổn định. Hơn nữa anh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa án làm việc nhưng đều vắng mặt, không thể hiện quan điểm của mình về con chung. Do vậy, để đảm bảo cuộc sống của các cháu không bị xáo trộn và trên cơ sở xem xét nguyện vọng của con chung, nên cần tiếp tục giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ đảm bảo cho con chung phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần là phù hợp.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị L nên cần được chấp nhận.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Chị Trần Thị L không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39;

căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Trần Minh T.
2. Về con chung: Giao cả 02 (hai) con chung là cháu **Trần Minh T, sinh ngày 10/02/2010 và cháu Trần Minh L, sinh ngày 08/06/2013** cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Trần Minh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị Trần Thị L tự nguyện không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Trần Thị L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002548 ngày 29/9/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 6 - Phú Thọ;
- Thi hành án DS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Minh H, tỉnh Phú Thọ;
- Dương sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Duyên

